

Số :3010/VFM.2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30/ Fund name: VFMVN30 ETF**
- Mã ccq/Code: **E1VFN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: **10/30/2017**
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BID	600	0.93%
2	BMP	140	0.77%
3	BVH	240	0.93%
4	CII	640	1.52%
5	CTD	90	1.40%
6	CTG	1,300	1.81%
7	DHG	160	1.23%
8	DPM	540	0.84%
9	FPT	1,480	5.40%
10	GAS	330	1.66%
11	GMD	350	1.06%
12	HPG	3,170	8.69%
13	HSG	730	1.29%
14	KBC	1,230	1.16%
15	KDC	430	1.16%
16	MBB	3,450	5.77%
17	MSN	1,800	7.66%
18	MWG	700	6.67%
19	NT2	300	0.68%
20	NVL	620	2.75%
21	PVD	670	0.72%
22	REE	650	1.65%
23	ROS	410	5.85%
24	SAB	340	6.94%
25	SBT	1,070	1.69%
26	SSI	1,110	1.87%
27	STB	5,030	4.15%
28	VCB	1,260	3.85%
29	VIC	2,370	9.83%

30	VNM	890	9.87%
----	-----	-----	-------

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,371,954,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,374,835,535

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 2,881,535

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
BVH	58,300	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4.a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period 10/30/2017	Kỳ trước/Last period 10/27/2017	Chênh lệch/ Changes
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	65	62	3
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	108,500,000	102,000,000	6,500,000
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	13,840	13,720	120
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	1,317,092,442,123	1,283,651,014,493	33,441,427,630
của một lô ETF/per Creation Unit	1,374,835,535	1,354,062,252	20,773,283
của một chứng chỉ quỹ/per Share	13,748.35	13,540.62	207.73
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	895.05	892.26	2.79

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/Fund Management Company VFM



Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc/CEO